

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.



# BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT

(Cập nhật, sửa đổi lần thứ ba)

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (DFVN – CAF)

*(DFVN Capital Appreciation Fund)*

Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 34/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/01/2019

Quỹ đầu tư dạng mở

Ngày đăng ký bản cập nhật, sửa đổi lần 3 với UBCKNN: 24/4./2021

Thời hạn hiệu lực của bản cập nhật, sửa đổi lần 3 Bản Cáo bạch kể từ ngày: 12/5./2021

**Nơi cung cấp Bản Cáo bạch:**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
("DFVN")**

**Địa chỉ** : Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

**Điện thoại** : (84 – 28) 3810 8888 **Fax** : (84 – 28) 3844 9835

**Website** : <http://dfvn.com.vn>

Và các Đại lý Phân phối theo danh sách chi tiết tại Điều 3.4 Mục III tại Bản Cáo bạch tóm tắt này

**Phụ trách công bố thông tin:**

**Ông** : **ĐẶNG NGUYỄN TRƯỜNG TÀI**

**Người được ủy quyền Công bố Thông tin**

**Địa chỉ** : Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

**Điện thoại** : (84 – 28) 3810 8888 **Fax** : (84 – 28) 3844 9835

## **THÔNG TIN QUAN TRỌNG**

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng những nội dung dưới đây là nội dung tóm tắt của Bản Cáo bạch QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (DFVN – CAF). Để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Bản Cáo bạch chi tiết và Điều lệ Quỹ. Trường hợp còn không chắc chắn về quyết định đầu tư của mình, Nhà đầu tư nên tìm hiểu thêm thông tin và/hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định phù hợp.

# MỤC LỤC

|             |   |    |
|-------------|---|----|
| <b>I.</b>   | <b>CÁC ĐỊNH NGHĨA</b> .....   | 5  |
| <b>II.</b>  | <b>THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN</b> .....  | 9  |
| 2.1         | Thông tin chung về Quỹ .....  | 9  |
| 2.2         | Mục tiêu đầu tư .....   | 9  |
| 2.3         | Chiến lược đầu tư.....  | 9  |
| 2.4         | Phương pháp lựa chọn đầu tư.....  | 9  |
| 2.5         | Tài sản được phép đầu tư.....   | 11 |
| 2.6         | Cơ cấu đầu tư .....   | 11 |
| 2.7         | Các hạn chế đầu tư theo luật định.....  | 12 |
| 2.8         | Nhà đầu tư của Quỹ .....  | 13 |
| <b>III.</b> | <b>THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, TỔ CHỨC KIỂM TOÁN, DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ.</b> | 14 |
| 3.1         | Công ty Quản lý Quỹ .....   | 14 |
| 3.2         | Công ty Quản lý Quỹ .....   | 14 |
| 3.3         | Tổ chức Kiểm toán.....  | 15 |
| 3.4         | Danh sách Đại lý phân phối .....  | 15 |
| 3.5         | Các tổ chức cung cấp dịch vụ.....   | 17 |
| <b>IV.</b>  | <b>THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</b> .....   | 18 |
| 4.1         | Phương án Phát hành Chứng chỉ Quỹ Lần đầu ra công chúng.....  | 18 |
| 4.2         | Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo .....   | 19 |
| <b>V.</b>   | <b>THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ THUẾ</b> .....   | 25 |
| 5.1         | Chi phí hoạt động.....  | 25 |
| 5.2         | Thuế.....   | 25 |
| <b>VI.</b>  | <b>NHỮNG RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ DFVN – CAF</b> .....   | 27 |
| 1.          | Rủi ro thị trường.....  | 27 |
| 2.          | Rủi ro lãi suất .....   | 27 |
| 3.          | Rủi ro lạm phát .....   | 27 |
| 4.          | Rủi ro thanh khoản.....   | 27 |
| 5.          | Rủi ro pháp lý.....   | 27 |
| 6.          | Rủi ro tái đầu tư.....  | 27 |

|  |    |
|--|----|
| <b>7. Rủi ro xung đột lợi ích</b> .....                                | 27 |
| <b>8. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư</b> .....                         | 27 |
| <b>9. Rủi ro khác</b> .....  | 28 |
| <b>VII. CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....                       | 29 |
| <b>VIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO</b> ..... | 29 |
| <b>PHỤ LỤC 1</b> .....   | 30 |
| <b>PHỤ LỤC 2</b> .....   | 30 |

## I. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây sẽ được định nghĩa và được dùng trong suốt Bản Cáo bạch này.

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| “Quỹ hoặc Quỹ DFVN – CAF”        | Là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ mở ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.  |
| “Công ty Quản lý Quỹ” hay “DFVN” | Là Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 và được thay đổi tại từng thời điểm. Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.  |
| “Ngân hàng Giám sát”             | Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. |
| “Công ty Kiểm toán”              | Là Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.  |
| “Điều lệ Quỹ”                    | Là bản Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).   |
| “Bản Cáo bạch”                   | Là tài liệu này cùng với các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ. Bản Cáo bạch có thể ở dạng dữ liệu điện tử công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin điện tử (Website) của Công ty Quản lý Quỹ.   |
| “Hợp đồng Giám sát”              | Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.   |
| “Nhà đầu tư”                     | Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ  |
| “Đại hội Nhà đầu tư”             | Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường niên hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan  |

|  |  |
|--|--|
|  | đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.   |
| “Ban Đại diện Quỹ”                                   | Là những Người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.   |
| “Vốn Điều lệ”  | Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại Đợt Phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.  |
| “Đơn vị Quỹ”   | Là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của Đợt Phát hành Lần đầu là 10.000 VNĐ/Đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.  |
| “Chứng chỉ Quỹ DFVN – CAF” hay “Chứng chỉ Quỹ”       | Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu. |
| “Số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản” | Là số dư Chứng chỉ Quỹ tối thiểu cần duy trì hoạt động của Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (chỉ áp dụng kiểm tra đối với giao dịch bán hoặc bán chuyển đổi).   |
| “Giá bán/Giá Phát hành”                              | Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Chứng chỉ Quỹ. Giá bán/Giá Phát hành được quy định tại Điều 2 và Điều 3 Mục X của Bản Cáo bạch.   |
| “Giá Mua lại”  | Là mức giá mà Quỹ phải trả cho Nhà đầu tư để mua lại từ Nhà đầu tư một Chứng chỉ Quỹ. Giá Mua lại được quy định tại Điều 2 và Điều 3 Mục X của Bản Cáo bạch.   |
| “Giá Dịch vụ Phát hành Lần đầu”                      | Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Chứng chỉ Quỹ trong Đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng. Giá Dịch vụ Phát hành lần đầu được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá Chứng chỉ Quỹ quy định tại Bản Cáo bạch và Điều lệ Quỹ.              |
| “Giá Dịch vụ Phát hành”                              | Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Chứng chỉ Quỹ từ Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF.                                  |
| “Giá Dịch vụ Mua lại”                                | Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch vụ Mua lại được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch.         |
| “Giá Dịch vụ Chuyển đổi”                             | Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam quản lý. Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị thực hiện chuyển đổi.  |
| “Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ”                            | Là giá dịch vụ mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.   |

|                          |  |
|--------------------------|--|
| “Cổ tức Quỹ”             | Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.   |
| “Năm tài chính”          | Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.  |
| “Giá trị Tài sản Ròng”   | Là tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.   |
| “Ngày Định giá”          | Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.   |
| “Ngày Giao dịch”         | Là Ngày Định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ.   |
| “Thời điểm đóng Sổ lệnh” | Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.   |
| “Đại lý Phân phối”       | Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ DFVN – CAF.  |
| “Đại lý Ký danh”         | Là Đại lý Phân phối không bao gồm tổ chức kinh tế khác đứng tên chủ sở hữu Tài khoản Ký danh, được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ DFVN – CAF, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sổ phụ.  |
| “Đại lý Chuyển nhượng”   | Là tổ chức cung cấp các dịch vụ sau được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền: <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Tài khoản Ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;</li> <li>(ii) Ghi nhận các Lệnh mua, Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính;</li> <li>(iii) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.</li> </ul> |
| “Tài khoản Giao dịch”    | Là tài khoản của Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, yêu cầu mở tại các Đại lý Phân phối được chỉ định của Quỹ để thực hiện việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ.   |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| “Tài khoản Ký danh”                   | Là tài khoản thuộc sở hữu của các Nhà đầu tư tại Sở phụ và đứng tên Đại lý Ký danh, do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản đặc biệt, độc lập, ứng với mỗi Nhà đầu tư tại Sở phụ.   |
| “Tiểu khoản Ký danh”                  | Là tài khoản của Nhà đầu tư được các Đại lý Ký danh được chỉ định của Quỹ mở tại Đại lý Chuyển nhượng để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.  |
| “Chương trình Đầu tư Định kỳ” (“SIP”) | Là chương trình đầu tư mà Nhà đầu tư có thể đăng ký để thực hiện hoạt động đầu tư tự động đều đặn định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý nhằm thực hiện hoạt động tích lũy dài hạn một cách dễ dàng, thuận tiện nhất. Chương trình đã được kích hoạt sau Đợt Phát hành Lần đầu vào thời điểm công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ.                        |
| “Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”         | Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán, theo quy định tại Điều 2.5 b), d), e) và g) Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này), có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng Giá trị Tài sản của Quỹ. |
| “Các định nghĩa khác”                 | Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.  |



## II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### 2.1 Thông tin chung về Quỹ

|   |  |
|---|--|
| Tên đầy đủ:                               | Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN  |
| Tên tiếng Anh:                            | DFVN Capital Appreciation Fund   |
| Tên viết tắt:                             | DFVN – CAF   |
| Loại hình:                                | Quỹ mở với thời hạn hoạt động không xác định   |
| Giấy đăng ký phát hành:                   | 56/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2018  |
| Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ: | 34/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 03/01/2019  |
| Công ty Quản lý Quỹ:                      | Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  |
| Địa chỉ liên hệ:                          | Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam<br>Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM |

### 2.2 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ DFVN – CAF là tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phần đầu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

### 2.3 Chiến lược đầu tư

Quỹ DFVN – CAF sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN – CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

### 2.4 Phương pháp lựa chọn đầu tư

#### a) Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ DFVN – CAF sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của

Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

## **b) Phương pháp lựa chọn cổ phiếu**

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Tuy nhiên, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Việc lựa chọn cổ phiếu trong Danh mục đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các bước sau:

### **Bước 1: Phân tích từ trên xuống để xác định ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng**

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích *từ trên xuống* bao gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm lựa chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng. Sau đó lựa chọn các công ty dẫn đầu ngành, các công ty tốt, có những ưu thế riêng biệt để phân tích. Bước đánh giá ngành giúp Quỹ có thể tập trung đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng.

### **Bước 2: Lựa chọn công ty có chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chí đầu tư**

- Giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn, dẫn đầu thị trường trong ngành và năng lực hoạt động.
- Tâm nhìn và năng lực của Ban điều hành.
- Chính sách quản trị tốt, minh bạch.
- Tình hình tài chính lành mạnh.
- Khả năng sinh lời vượt trội so với các công ty khác trong ngành.
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn.

Các tiêu chí này được đánh giá dựa trên phương pháp phân tích cơ bản công ty, thông qua các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ, phỏng vấn trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành các công ty, đánh giá các khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành.

Ngoài ra, Quỹ cũng chủ động tìm kiếm các công ty không thuộc những ngành được xác định ở Bước 1, nhưng vẫn đáp ứng đủ các tiêu chí về định giá, lợi thế cạnh tranh và các tiêu chí ở Bước 2 để đảm bảo lựa chọn cho Quỹ một danh mục đầu tư đa dạng và có chất lượng cao.

### **Bước 3: Đa dạng hóa danh mục đầu tư**

Dựa trên việc phân tích các chỉ số cơ bản, tiềm năng tăng trưởng công ty và ngành, hiệu quả hoạt động, rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, tính thanh khoản... Quỹ sẽ chủ động xây dựng danh mục đầu tư đa dạng gồm các cổ phiếu của các công ty trong các ngành nghề khác nhau.

**c) Về cấu trúc và chiến lược quản trị danh mục, Quỹ sẽ phân bổ tài sản theo nguyên tắc sau:**

- (i) Ưu tiên đầu tư một tỷ trọng lớn vào các cổ phiếu thỏa tiêu chí nêu trên trong các ngành nghề kinh tế cơ bản, tăng trưởng bền vững và phù hợp với chu kỳ kinh tế;
- (ii) Mức độ phân bổ vào từng cổ phiếu cao hơn (overweigh) hay thấp hơn (underweigh) so với tỷ trọng cổ phiếu đó trong chỉ số chứng khoán so sánh chuẩn, cùng hoạt động tái cấu trúc danh mục (rebalancing) sẽ được xác định dựa trên tương quan giữa định giá và giá cổ phiếu, cũng như xu hướng dịch chuyển của các ngành trong điều kiện kinh tế. Các yếu tố thị trường cũng được xem xét.

**2.5 Tài sản được phép đầu tư**

- a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết phải đáp ứng các yêu cầu sau:
  - Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và
  - Có tài liệu chứng minh việc tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**2.6 Cơ cấu đầu tư**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

| Tài sản đầu tư | Tỷ trọng (% NAV của Quỹ) |
|----------------|--------------------------|
|----------------|--------------------------|

|   |  |
|---|--|
| Cổ phiếu  | 50% – 100%   |
| Tiền gửi ngắn hạn (*)   | 0 – 49%  |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Cơ cấu tài sản trên mang tính định hướng. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi trong giới hạn phân bổ như trên tùy thuộc vào nhận định của DFVN về điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư sẵn có, nhằm đạt mục tiêu đầu tư của Quỹ và bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư vào Quỹ.

## 2.7 Các hạn chế đầu tư theo luật định

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- b) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điều 2.5 (a), (b) Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 2.5 (a), (b), (d), (e), (f) và (g) Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”);
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 2.5 (e) Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;

- i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Trừ trường hợp quy định tại Điều 2.7 Điểm (h), (i), (j) Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:
  - (i) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
  - (ii) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
  - (iii) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
  - (iv) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
  - (v) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ;
  - (vi) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- l) Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 2.5 Mục II của Bản Cáo bạch tóm tắt này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- m) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

## **2.8 Nhà đầu tư của Quỹ**

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

### III. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, TỔ CHỨC KIỂM TOÁN, DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

#### 3.1 Công ty Quản lý Quỹ

|   |  |
|---|--|
| <b>Tên công ty</b>                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Tên tiếng Việt: <b>Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam</b></li> <li>○ Tên Tiếng Anh: <b>Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited</b></li> <li>○ Tên viết tắt: <b>DFVN</b></li> </ul>                        |
| <b>Giấy phép thành lập và hoạt động</b> | Số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 07 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 07 năm 2018. |
| <b>Trụ sở chính</b>                     | Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh   |
| <b>Điện thoại</b>                       | (84 – 28) 3810 0888  |
| <b>Fax</b>                              | (84 – 28) 3844 9835  |
| <b>Vốn điều lệ</b>                      | 25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng)  |

#### 3.2 Công ty Quản lý Quỹ

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| <b>Tên Ngân hàng</b>                  | Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)   |
| <b>Giấy phép hoạt động</b>            | Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/9/2008; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013. |
| <b>Trụ sở chính</b>                   | Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  |
| <b>Điện thoại</b>                     | (84 – 28) 3829 2288   |
| <b>Fax</b>                            | (84 – 28) 6256 3633   |
| <b>Vai trò của Ngân hàng Giám sát</b> | (i) Bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế,  |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ;</p> <p>(ii) Thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.</p> |
|--|---|

### 3.3 Tổ chức Kiểm toán

Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền) quyết định.

### 3.4 Danh sách Đại lý phân phối

|          |   |
|----------|---|
| <b>1</b> | <p><b>Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN)</b><br/> Trụ sở chính: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh<br/> Điện thoại: (84 – 28) 3810 0888 Fax: (84 – 28) 3844 9835</p>   |
| <b>2</b> | <p><b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)</b><br/> <u>Trụ sở chính</u><br/> Địa chỉ: Tầng 1-10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội<br/> Điện thoại: (84 – 24) 3935 2722 Fax: (84 – 24) 2220 0669<br/> <u>Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh</u><br/> Địa chỉ: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh<br/> Điện thoại: (84 – 28) 3821 8885 Fax: (84 – 28) 3821 8510</p> |
| <b>3</b> | <p><b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)</b><br/> Trụ sở chính: Tầng 1-4, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh<br/> Điện thoại: (84 – 28) 6299 2006 Fax: (84 – 28) 6291 7986</p>   |
| <b>4</b> | <p><b>Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam (YSVN)</b><br/> <u>Trụ sở chính</u><br/> Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Center, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh<br/> Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 Fax: (84 – 28) 3915 2728</p>   |

|   |  |
|---|--|
|   | <p><u>Chi nhánh Chợ Lớn</u></p> <p>Địa chỉ: 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><u>Chi nhánh Hà Nội</u></p> <p>Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><u>Chi nhánh Bình Dương</u></p> <p>Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà BIDV, 441 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><u>Chi nhánh Đồng Nai</u></p> <p>Địa chỉ: Tầng trệt, Tháp B, Tòa nhà The Pegasus, 53-55 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><u>Chi nhánh Đà Nẵng</u></p> <p>Địa chỉ: Tầng 1, 150-156 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><u>Chi nhánh Vũng Tàu</u></p> <p>Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Hodeco Plaza, 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)</p> <p><i>(**) Các chi nhánh của YSVN chung một (01) số điện thoại liên hệ, không có số fax riêng cho các chi nhánh.</i></p> |
| 5 | <p><b>Công ty Cổ phần Fincorp (FINCORP)</b></p> <p>Địa chỉ trụ sở chính: Tầng trệt, Tòa nhà Rosana, 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: (84 – 28) 3636 1079                      Fax: (84 – 28) 3636 1078</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở số 01/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 04 năm 2018</p>  |